

Số: 09 /KH-TQK

Quận 12, ngày 01 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

Về thu, sử dụng học phí và thu khác của Trường THCS Trần Quang Khải Học kỳ II, năm học 2022-2023

- Căn cứ Công văn 5577/STC-QHPX ngày 24/6/2014 về việc rà soát trích nguồn cải cách tiền lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị.

- Căn cứ Công văn số 2558/UBND-VX ngày 02 tháng 08 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về cơ chế thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác năm học 2021 – 2022 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Công văn số 2775/GDĐT-KHTC ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác năm học 2021-2022 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

- Căn cứ Hướng dẫn Liên Sở số 3029/HDLS/BHXXH-GDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Liên Sở Giáo dục và Đào tạo và Bảo hiểm Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2021 – 2022;

Căn cứ Công văn số 344/SGDĐT-KHTC ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức thực hiện thu học phí và các khoản thu khác năm học 2021-2022 khi tổ chức dạy học trực tiếp tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 2355/BHXXH-QLT ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bảo hiểm xã hội thành phố Hồ Chí Minh về thu tiền, cấp giá trị sử dụng thẻ bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên trong thời gian giãn cách xã hội;

Căn cứ Công văn số 2402/SGDĐT-KHTC ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thực hiện giãn thu và hỗ trợ học phí năm học 2021-2022 cho các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 2462/GDĐT-KHTC ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tiếp tục hướng dẫn thu các khoản thu khác năm học 2021-2022 của thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn 8561/UBND-GDĐT-TC ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân quận về việc phê duyệt khung mức thu, sử dụng các khoản thu đối với các trường công lập thuộc quận năm học 2020 – 2021;

Căn cứ Công văn 6982/UBND-GDĐT-TC ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quận về việc phê duyệt khung mức thu, sử dụng các khoản thu đối với các trường công lập thuộc quận năm học 2021-2022;

Trường THCS Trần Quang Khải xây dựng kế hoạch thu, sử dụng học phí và thu khác tại đơn vị học kỳ II, năm học 2022-2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, NGUYÊN TẮC VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG:

1. Mục đích:

- Thực hiện công khai nội dung thu và sử dụng các khoản thu đến từng phụ huynh học sinh.

- Giúp phụ huynh học sinh chủ động trong việc đóng góp ý kiến và có được sự đồng thuận của phụ huynh về các khoản thu và sử dụng học phí, thu khác của nhà trường.

- Thực hiện quyền tự chủ, đồng thời gắn với trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị và giáo viên, nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Pháp luật.

2. Nguyên tắc:

- Thu đủ bù chi và sử dụng các khoản thu đúng mục đích thu, thực hiện công khai kế hoạch thu - chi của từng khoản thu đến phụ huynh học sinh trước khi thực hiện.

3. Phạm vi áp dụng:

Toàn thể Cán bộ, Giáo viên, nhân viên và Học sinh thuộc trường THCS Trần Quang Khải.

II. NỘI DUNG THU, MỨC THU:

1. Thu học phí:

Nội dung	Mức thu	Ghi chú
Học phí (đồng/học sinh/5 tháng)	60.000	CV số 4203/SGDĐT- KHTC ngày 01/11/2022

2. Thu khác:

2.1. Thu hộ - chi hộ:

Nội dung	Mức thu
Nước uống học sinh 1 buổi (đồng/học sinh/tháng/ 9 tháng)	10.000
Học liệu tin học quốc tế (IC3) (đồng/ học sinh/học kỳ)	250.000

2.2. Thu theo thỏa thuận:

Nội dung	Mức thu
Học phí lớp tự chọn tin học (đồng/học sinh/tháng/ 9 tháng)	Không thu
Học phí tiếng Anh bản ngữ - Khối 6,7 (đồng/học sinh/tháng) 8 tiết/tháng	180.000
Tiền tin học quốc tế (IC3) - Khối 6,7 (đồng/học sinh/ 30 tiết/hk2-Nh22-23)	10.000
Học phí học thêm trong nhà trường (đồng/ tiết/ học sinh/40 tiết/tháng)	5.000
Giáo dục kỹ năng sống - Khối 6,7 (đồng/học sinh/4 tiết/tháng)	60.000
Học phí stem K6,9 (đồng /học sinh /tháng)	80.000

III. SỬ DỤNG:

1. Học phí:

- Trích 40%/ tổng thu học phí để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương
- Phần còn lại chi hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...) và dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.
- Trường hợp trong năm có văn bản hướng dẫn thay đổi tỷ lệ trích cải cách tiền lương thấp hơn 40% thì phần chênh lệch đơn vị bổ sung chi hoạt động theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ).

2. Thu khác:

2.1. Thu hộ - chi hộ:

- Đối với khoản thu Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn được nộp toàn bộ về cơ quan Bảo hiểm để thực hiện mua bảo hiểm cho học sinh.
- Đối với khoản thu ấn chỉ hồ sơ học sinh, ấn chỉ đề kiểm tra, nước uống học sinh được sử dụng toàn bộ để thanh toán cho đơn vị cung cấp.

2.2. Thu thỏa thuận:

2.2.1. Nguồn thu tin học quốc tế

- Chi 90% trả đơn vị cung cấp dịch vụ đào tạo tin học quốc tế theo hợp đồng
- Chi 6%/ tổng thu hỗ trợ cán bộ quản lý và nhân viên gián tiếp:

Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

- Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành và dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

- Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.2. Nguồn thu học nghề phổ thông

- Chi 80%/ tổng thu hỗ trợ giáo viên trực tiếp giảng dạy và trả tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương nếu hợp đồng hoặc thỉnh giảng giáo viên dạy nghề phổ thông.

- Chi 15%/ tổng thu hỗ trợ cán bộ quản lý và nhân viên gián tiếp :

Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2;

- Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...) chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành và dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

- Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.3. Nguồn thu phí tài khoản K12 online.

- Chi 80% trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Chi 20% để lại đơn vị cho các nội dung sau:

- + Chi 15%/ tổng thu để chi hỗ trợ công tác quản lý, nhân viên gián tiếp :

Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

- + Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng; chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

+ Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.4. Nguồn thu học thêm trong nhà trường.

- Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy (kể cả giáo viên dạy thỉnh giảng) theo số giờ dạy thêm thực tế với định mức là 100.000 đồng/ tiết.

- Chi 15%/ tổng thu cho quản lý, tổ chức học thêm, phục vụ dạy thêm :

Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

- Phần còn lại chi hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp; trích khấu hao theo quy định hiện hành và dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

- Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.5. Nguồn thu tiếng Anh bản ngữ

- Chi 80% trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Chi 20% để lại đơn vị cho các nội dung sau:

+ Chi 7%/ tổng thu để chi hỗ trợ công tác quản lý, nhân viên gián tiếp :

Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

+ Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng; chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

+ Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.6. Nguồn giáo dục kỹ năng sống

- Chi 70% trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Chi 30% để lại đơn vị cho các nội dung sau:

+ Chi 7% tổng thu để chi hỗ trợ công tác quản lý, nhân viên gián tiếp :

Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

+ Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng; chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

+ Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.7. Nguồn thu phí stamp.

- Chi 90% trả đơn vị cung cấp dịch vụ đào tạo tin học quốc tế theo hợp đồng

- Chi 6%/ tổng thu hỗ trợ cán bộ quản lý và nhân viên gián tiếp:

Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

- Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành và dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

- Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.8. Nguồn thu công tác thu nộp, phát hành thẻ BHYT (1,8%):

- Chi hỗ trợ toàn bộ cho bộ phận quản lý và giáo viên, nhân viên thực hiện vận động thu (Cụ thể: 1% chi cho Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Kế toán, Thủ quỹ, Y tế; 1% chi cho giáo viên chủ nhiệm thực hiện vận động thu theo tỷ lệ học sinh đóng BHYT)

IV. VỀ THANH TOÁN CÁC KHOẢN THU .

Để đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh trong trường học và không để phụ huynh học sinh phải đến trường để thanh toán học phí và các khoản thu khác, nhà trường phát phiếu báo học phí cho phụ huynh học sinh qua các

kênh liên lạc của lớp, trường và hướng dẫn phụ huynh học sinh nộp tiền học phí qua các kênh thanh toán như Internet banking, Mobile Banking, SSC, VNPay, PayME,...Phụ huynh có thể thực hiện tra cứu các khoản học phí phải nộp tại Website: <https://sscc.vn/> và thực hiện đóng tiền học phí tại website trên theo hướng dẫn tại phiếu báo học phí

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

4.1 Giao Giáo viên chủ nhiệm tổ chức lấy ý kiến phụ huynh học sinh về mức thu và sử dụng các khoản thu trong buổi họp phụ huynh học sinh đầu năm theo kế hoạch trên (nêu rõ nội dung các khoản thu theo quy định, khoản thu thỏa thuận và khoản thu thu hộ - chi hộ);

4.2 Giao bộ phận Kế toán chịu trách nhiệm tổng hợp ý kiến của phụ huynh học sinh về mức thu và sử dụng các khoản thu trình Hiệu trưởng phê duyệt và có văn bản gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo và Phòng Tài chính – Kế hoạch xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân quận cho chủ trương thực hiện.

Trên đây kế hoạch về thu, sử dụng học phí và thu khác của Trường Trung học cơ sở Trần Quang Khải năm học 2022-2023, đề nghị các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, đề nghị các bộ phận báo cáo về Hiệu trưởng (thông qua bộ phận Kế toán) để được hướng dẫn cụ thể./.

Nơi nhận:

- Phòng GD và ĐT “để báo cáo”;
- Phụ huynh học sinh “để lấy ý kiến”;
- Giáo viên chủ nhiệm “để thực hiện”;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Trịnh

Trường THCS Trần Quang Khải xây dựng kế hoạch thu, sử dụng học phí và thu khác tại đơn vị học kỳ II, năm học 2022-2023 như sau:

I. NỘI DUNG THU, MỨC THU:

1. Thu học phí:

Nội dung	Mức thu	Ghi chú
Học phí (đồng/học sinh/5 tháng)	60.000	CV số 4203/SGDĐT- KHTC ngày 01/11/2022

2. Thu khác:

2.1. Thu hộ - chi hộ:

Nội dung	Mức thu
Nước uống học sinh 1 buổi (đồng/học sinh/tháng/ 9 tháng)	10.000
Học liệu tin học quốc tế (IC3) (đồng/ học sinh/học kỳ)	250.000

2.2. Thu theo thỏa thuận:

Nội dung	Mức thu
Học phí lớp tự chọn tin học (đồng/học sinh/tháng/ 9 tháng)	Không thu
Học phí tiếng Anh bản ngữ - Khối 6,7 (đồng/học sinh/tháng) 8 tiết/tháng	180.000
Tiền tin học quốc tế (IC3) - Khối 6,7 (đồng/học sinh/ 30 tiết/hk2-Nh22-23)	10.000
Học phí học thêm trong nhà trường (đồng/ tiết/ học sinh/40 tiết/tháng)	5.000
Giáo dục kỹ năng sống - Khối 6,7 (đồng/học sinh/4 tiết/tháng)	60.000
Học phí stem K6,9 (đồng /học sinh /tháng)	80.000

II. SỬ DỤNG:

1. Học phí:

- Trích 40%/ tổng thu học phí để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương

- Phần còn lại chi hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...) và dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

- Trường hợp trong năm có văn bản hướng dẫn thay đổi tỷ lệ trích cải cách tiền lương thấp hơn 40% thì phần chênh lệch đơn vị bổ sung chi hoạt động theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ).

2. Thu khác:

2.1. Thu hộ - chi hộ:

- Đối với khoản thu Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn được nộp toàn bộ về cơ quan Bảo hiểm để thực hiện mua bảo hiểm cho học sinh.

- Đối với khoản thu ấn chỉ hồ sơ học sinh, ấn chỉ để kiểm tra, nước uống học sinh được sử dụng toàn bộ để thanh toán cho đơn vị cung cấp.

2.2. Thu thỏa thuận:

2.2.1. Nguồn thu tin học quốc tế

- Chi 90% trả đơn vị cung cấp dịch vụ đào tạo tin học quốc tế theo hợp đồng

- Chi 6%/ tổng thu hỗ trợ cán bộ quản lý và nhân viên gián tiếp:

Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

- Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành và dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

- Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.2. Nguồn thu học nghề phổ thông

- Chi 80%/ tổng thu hỗ trợ giáo viên trực tiếp giảng dạy và trả tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương nếu hợp đồng hoặc thỉnh giảng giáo viên dạy nghề phổ thông.

- Chi 15%/ tổng thu hỗ trợ cán bộ quản lý và nhân viên gián tiếp :

Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2;

- Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...) chi đóng thuế thu

nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành và dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

- Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.3. Nguồn thu phí tài khoản K12 online.

- Chi 80% trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Chi 20% để lại đơn vị cho các nội dung sau:

- + Chi 15%/ tổng thu để chi hỗ trợ công tác quản lý, nhân viên gián tiếp :

Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

- + Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng; chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

- + Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.4. Nguồn thu học thêm trong nhà trường.

- Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy (kể cả giáo viên dạy thỉnh giảng) theo số giờ dạy thêm thực tế với định mức là 100.000 đồng/ tiết.

- Chi 15%/ tổng thu cho quản lý, tổ chức học thêm, phục vụ dạy thêm :

Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

- Phần còn lại chi hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp; trích khấu hao theo quy định hiện hành và dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

- Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy

định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.5. Nguồn thu tiếng Anh bản ngữ

- Chi 80% trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ.
- Chi 20% để lại đơn vị cho các nội dung sau:
- + Chi 7%/ tổng thu để chi hỗ trợ công tác quản lý, nhân viên gián tiếp :

Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

+ Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng; chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

+ Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.6. Nguồn giáo dục kỹ năng sống

- Chi 70% trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ.
- Chi 30% để lại đơn vị cho các nội dung sau:
- + Chi 7% tổng thu để chi hỗ trợ công tác quản lý, nhân viên gián tiếp :

Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

+ Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng; chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

+ Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.7. Nguồn thu công tác thu nộp, phát hành thẻ BHYT (1,8%):

- Chi hỗ trợ toàn bộ cho bộ phận quản lý và giáo viên, nhân viên thực hiện vận động thu (Cụ thể: 1% chi cho Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Kế toán,

Thủ quỹ, Y tế; 1% chi cho giáo viên chủ nhiệm thực hiện vận động thu theo tỷ lệ học sinh đóng BHYT)

2.2.8. Nguồn thu học phí Stem

- Chi 90% trả đơn vị cung cấp dịch vụ đào tạo tin học quốc tế theo hợp đồng

- Chi 6%/ tổng thu hỗ trợ cán bộ quản lý và nhân viên gián tiếp:

Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ;

- Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành và dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

- Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

3.1 Trên cơ sở mức thu ,giao bộ phận Kế toán chịu trách nhiệm tổng hợp xây dựng mức thu theo quy định , trường hợp có chênh lệch với mức tạm thu đề nghị trình hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch điều chỉnh (tăng hoặc giảm)mức thu và thông báo cụ thể đến từng phụ huynh học sinh .

3.2 Giao bộ phận quản lý Website đăng thông báo công khai trên trang Web của trường , giao giáo viên chủ nhiệm thông báo nội dung công khai các khoản thu đến từng phụ huynh học sinh theo quy định . Bộ phận văn phòng có trách nhiệm phát hành thông báo và dán bảng thông tin để phụ huynh được thông tin đầy đủ nội dung thu theo qui định của nhà trường .

Trên đây thông báo công khai các khoản thu, sử dụng học phí và thu khác của Trường Trung học cơ sở Trần Quang Khải học kỳ II, năm học 2022-2023, đề nghị các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, đề nghị các bộ phận báo cáo về Hiệu trưởng (thông qua bộ phận Kế toán) để được hướng dẫn cụ thể./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Thông báo bảng, Website
- Lưu: VT.



Đinh Văn Trịnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**Về việc xác nhận việc thỏa thuận các khoản thu
giữa cha mẹ học sinh với nhà trường học kỳ II, năm học 2022 - 2023**

I. Thời gian: 10 giờ 00 ngày 03 tháng 02 năm 2023

II. Địa điểm: Trường THCS Trần Quang Khải - Q.12

III. Thành phần:

1. Đại diện Trường THCS Trần Quang Khải

- Ông Đinh Văn Trịnh Chức vụ: Hiệu trưởng;
- Bà Hồ Ngọc Oanh Chức vụ: Kế toán;
- Bà Huỳnh Thị Hồng Nương Chức vụ: Thủ quỹ.

2. Đại diện Cha mẹ học sinh trường THCS Trần Quang Khải

- Ông Đinh Quang Anh Tuấn Trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- Phó Trưởng Ban Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- Thành viên Ban Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- Thành viên Ban Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- Thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh;

IV. Nội dung:

* Thông qua các văn bản hướng dẫn:

Căn cứ Công văn số 344/SGDĐT-KHTC ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức thực hiện thu học phí và các khoản thu khác năm học 2021-2022 khi tổ chức dạy học trực tiếp tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn 2987/GDĐT-KHTC ngày 15 tháng 09 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn thực hiện khung mức thu, sử dụng các khoản thu đối với các trường công lập năm học 2022-2023;

Kế hoạch số 09 /KH-TQK ngày 01 tháng 02 năm 2023 của trường THCS Trần Quang Khải về thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác học kỳ II, năm học 2022 - 2023;

- Biên bản họp phụ huynh học sinh các lớp ngày 02 tháng 02 năm 2023..

* **Kết quả việc tổng hợp ý kiến như sau:**

1. Về mức thu:

1.1. Thu học phí:

Nội dung	Mức thu	Ghi chú
Học phí (đồng/học sinh/5 tháng)	60.000	Không thu theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND

1.2. Thu khác:

1.2.1. Thu hộ - chi hộ:

Nội dung	Mức thu
Nước uống học sinh 1 buổi (đồng/học sinh/tháng/ 9 tháng)	10.000
Học liệu tin học quốc tế (IC3) (đồng/ học sinh/học kỳ)	250.000

1.2.2. Thu theo thỏa thuận:

Nội dung	Mức thu
Học phí lớp tự chọn tin học (đồng/học sinh/tháng/ 9 tháng)	Không thu
Học phí tiếng Anh bản ngữ - Khối 6,7 (đồng/học sinh/tháng) 8 tiết/tháng	180.000
Tiền tin học quốc tế (IC3) - Khối 6,7 (đồng/học sinh/ 30 tiết/hk2-Nh22-23)	10.000
Học phí học thêm trong nhà trường (đồng/ tiết/ học sinh/40 tiết/tháng)	5.000
Giáo dục kỹ năng sống - Khối 6,7 (đồng/học sinh/4 tiết/tháng)	60.000
Học phí stem K6,9 (đồng /học sinh /tháng)	80.000

* Ghi chú: Số lượng phụ huynh đồng ý tính trên số lượng phụ huynh học sinh dự họp.

2. Về nội dung chi:

100% phụ huynh học sinh thống nhất với nội dung chi theo Kế hoạch số 09/KH-TQK ngày 01 tháng 02 năm 2023 về thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác học kỳ II, năm học 2022 - 2023 của nhà trường.

Tất cả các thành viên dự họp nhất trí với kết quả tổng hợp ý kiến của phụ huynh học sinh như trên và thống nhất triển khai thực hiện.

Biên bản được thông qua và kết thúc lúc 12 giờ 30 cùng ngày.

**ĐẠI DIỆN
CHA MẸ HỌC SINH TRƯỜNG
TRƯỜNG BAN**



Đinh Quang Anh Tuấn

**ĐẠI DIỆN
TRƯỜNG THCS TRẦN QUANG KHẢI
HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Văn Trịnh

THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ QUY ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
Học kỳ II Năm học 2022 - 2023

Stt	Nội dung thu khối 7	Mức thu		Ghi chú
		Theo tháng	Theo HK	
1	Học phí qui định (5 tháng)	60.000	300.000	
2	Tin học tự chọn			Không thu
3	Học phí tin học quốc tế IC3 + học liệu	50 tiết	550.000	$(10.000/\text{tiết} \times 30 \text{ tiết}) + (\text{Học liệu} : 250.000 \text{ đ}/\text{HS})$
4	Học thêm trong nhà trường (3,5 tháng)	120.000	420.000	(Văn, Toán, Anh: 6 tiết/ tuần x 14 tuần x 5.000 đồng/ tiết)
5	Học phí tiếng Anh bản ngữ (3,5 tháng)	180.000	630.000	(2 tiết/ tuần x 14 tuần)
6	Học phí kỹ năng sống (3,5 tháng)	60.000	210.000	(1 tiết/ tuần x 14 tuần)
7	Tiền nước uống học sinh (5 tháng)	10.000	50.000	
	Cộng	430.000	2.160.000	

Lưu ý: Học sinh thuộc diện con hộ nghèo vui lòng nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo HK2/2022-2023 trước ngày 14/02/2023.

THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ QUY ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
Học kỳ II Năm học 2022 - 2023

Stt	Nội dung thu khối 7	Mức thu		Ghi chú
		Theo tháng	Theo HK	
1	Học phí qui định (5 tháng)	60.000	300.000	
2	Tin học tự chọn			Không thu
3	Học phí tin học quốc tế IC3 + học liệu	50 tiết	550.000	$(10.000/\text{tiết} \times 30 \text{ tiết}) + (\text{Học liệu} : 250.000 \text{ đ}/\text{HS})$
4	Học thêm trong nhà trường (3,5 tháng)	120.000	420.000	(Văn, Toán, Anh: 6 tiết/ tuần x 14 tuần x 5.000 đồng/ tiết)
5	Học phí tiếng Anh bản ngữ (3,5 tháng)	180.000	630.000	(2 tiết/ tuần x 14 tuần)
6	Học phí kỹ năng sống (3,5 tháng)	60.000	210.000	(1 tiết/ tuần x 14 tuần)
7	Tiền nước uống học sinh (5 tháng)	10.000	50.000	
	Cộng	430.000	2.160.000	

Lưu ý: Học sinh thuộc diện con hộ nghèo vui lòng nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo HK2/2022-2023 trước ngày 14/02/2023.

THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ QUY ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
Học kỳ II Năm học 2022 - 2023

Stt	Nội dung thu khối 7	Mức thu		Ghi chú
		Theo tháng	Theo HK	
1	Học phí qui định (5 tháng)	60.000	300.000	
2	Tin học tự chọn			Không thu
3	Học phí tin học quốc tế IC3 + học liệu	50 tiết	550.000	$(10.000/\text{tiết} \times 30 \text{ tiết}) + (\text{Học liệu} : 250.000 \text{ đ}/\text{HS})$
4	Học thêm trong nhà trường (3,5 tháng)	120.000	420.000	(Văn, Toán, Anh: 6 tiết/ tuần x 14 tuần x 5.000 đồng/ tiết)
5	Học phí tiếng Anh bản ngữ (3,5 tháng)	180.000	630.000	(2 tiết/ tuần x 14 tuần)
6	Học phí kỹ năng sống (3,5 tháng)	60.000	210.000	(1 tiết/ tuần x 14 tuần)
7	Tiền nước uống học sinh (5 tháng)	10.000	50.000	
	Cộng	430.000	2.160.000	

Lưu ý: Học sinh thuộc diện con hộ nghèo vui lòng nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo HK2/2022-2023 trước ngày 14/02/2023.

THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ QUY ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
Học kỳ II Năm học 2022 - 2023

Stt	Nội dung thu khối 8	Mức thu		Ghi chú
		Theo tháng	Theo HK	
1	Học phí qui định (5 tháng)	60.000	300.000	
2	Tin học tự chọn			Không thu
3	Học thêm trong nhà trường (3,5 tháng)	120.000	420.000	(Văn, Toán, Anh: 6 tiết/ tuần x 14 tuần x 5.000 đồng/ tiết)
4	Tiền nước uống học sinh (5 tháng)	10.000	50.000	
	Cộng	190.000	770.000	

Lưu ý: Học sinh thuộc diện con hộ nghèo vui lòng nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo HK2/2022-2023 trước ngày 14/02/2023.

THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ QUY ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
Học kỳ II Năm học 2022 - 2023

Stt	Nội dung thu khối 8	Mức thu		Ghi chú
		Theo tháng	Theo HK	
1	Học phí qui định (5 tháng)	60.000	300.000	
2	Tin học tự chọn			Không thu
3	Học thêm trong nhà trường (3,5 tháng)	120.000	420.000	(Văn, Toán, Anh: 6 tiết/ tuần x 14 tuần x 5.000 đồng/ tiết)
4	Tiền nước uống học sinh (5 tháng)	10.000	50.000	
	Cộng	190.000	770.000	

Lưu ý: Học sinh thuộc diện con hộ nghèo vui lòng nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo HK2/2022-2023 trước ngày 14/02/2023.

THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ QUY ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
Học kỳ II Năm học 2022 - 2023

Stt	Nội dung thu khối 8	Mức thu		Ghi chú
		Theo tháng	Theo HK	
1	Học phí qui định (5 tháng)	60.000	300.000	
2	Tin học tự chọn			Không thu
3	Học thêm trong nhà trường (3,5 tháng)	120.000	420.000	(Văn, Toán, Anh: 6 tiết/ tuần x 14 tuần x 5.000 đồng/ tiết)
4	Tiền nước uống học sinh (5 tháng)	10.000	50.000	
	Cộng	190.000	770.000	

Lưu ý: Học sinh thuộc diện con hộ nghèo vui lòng nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo HK2/2022-2023 trước ngày 14/02/2023.

THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ QUY ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
Học kỳ II Năm học 2022 - 2023

Stt	Nội dung thu khối 9	Mức thu		Ghi chú
		Theo tháng	Theo HK	
1	Học phí qui định (5 tháng)	60.000	300.000	
2	Tin học tự chọn			Không thu
3	Học thêm trong nhà trường (4,5 tháng)	200.000	900.000	(Văn, Toán, Anh: 10 tiết/ tuần x 18 tuần x 5.000 đồng/ tiết)
4	Tiền nước uống học sinh (5 tháng)	10.000	50.000	
5	Stem (3,5 tháng)	80.000	280.000	
	Cộng	350.000	1.530.000	

Lưu ý: Học sinh thuộc diện con hộ nghèo vui lòng nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo HK2/2022-2023 trước ngày 14/02/2023.

THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ QUY ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
Học kỳ II Năm học 2022 - 2023

Stt	Nội dung thu khối 9	Mức thu		Ghi chú
		Theo tháng	Theo HK	
1	Học phí qui định (5 tháng)	60.000	300.000	
2	Tin học tự chọn			Không thu
3	Học thêm trong nhà trường (4,5 tháng)	200.000	900.000	(Văn, Toán, Anh: 10 tiết/ tuần x 18 tuần x 5.000 đồng/ tiết)
4	Tiền nước uống học sinh (5 tháng)	10.000	50.000	
5	Stem (3,5 tháng)	80.000	280.000	
	Cộng	350.000	1.530.000	

Lưu ý: Học sinh thuộc diện con hộ nghèo vui lòng nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo HK2/2022-2023 trước ngày 14/02/2023.

THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ QUY ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
Học kỳ II Năm học 2022 - 2023

Stt	Nội dung thu khối 9	Mức thu		Ghi chú
		Theo tháng	Theo HK	
1	Học phí qui định (5 tháng)	60.000	300.000	
2	Tin học tự chọn			Không thu
3	Học thêm trong nhà trường (4,5 tháng)	200.000	900.000	(Văn, Toán, Anh: 10 tiết/ tuần x 18 tuần x 5.000 đồng/ tiết)
4	Tiền nước uống học sinh (5 tháng)	10.000	50.000	
5	Stem (3,5 tháng)	80.000	280.000	
	Cộng	350.000	1.530.000	

Lưu ý: Học sinh thuộc diện con hộ nghèo vui lòng nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo HK2/2022-2023 trước ngày 14/02/2023.